TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2019/HS-ST
Ngày: 10 - 9 – 2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Hữu Dần.
2. Bà Đỗ Thị Kim Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Cường – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 223/2019/HSST, ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **C**; sinh năm 1986; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N (đã chết) và con bà Đ; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: không;

Tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số: 167/2019/HSPT, ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo C 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù.

Nhân thân: Tại bản án số: 92/2012/HSST, ngày 15/3/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 135; khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 19/01/2013 chấp hành xong hình phạt tù và đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2019 cho đến nay. Hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh T; sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị B; sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn K, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 26/5/2019, C thuê xe taxi (không rõ biển số xe và người điều khiển) đi từ Km3, thành phố B, đến đường M, xã C, thành phố B, mục đích để đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến gần nhà của anh T, tại Thôn Y, xã C, thành phố B, C xuống xe taxi rồi đi bộ đến trước nhà anh T và quan sát thấy có một chiếc xe moto nhãn hiệu E, biển số X1 đang dựng ở trong sân nhà, không có người trông coi. Lúc này, C đột nhập theo hướng từ bên hông nhà, nơi không có rào chắn, vào bên trong sân, rồi sử dụng chiếc kẹp cài tóc bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 06 cm (do C mang theo trước trong người) mở ổ khóa cửa cổng, lấy ổ khóa cất vào trong người để tránh gây tiếng động. Sau đó, C tiếp tục đi đến chỗ chiếc xe moto biển số X1, dùng chân đạp mạnh hai phát vào tay lái của xe, làm gãy ổ khóa cổ và dắt xe ra moto ra ngoài đường. Khi dắt xe đi được một đoạn đường khoảng 10m, C rút dây điện nguồn ở phía dưới ổ khóa, dùng kẹp cài tóc cắm vào dây điện nguồn, nổ máy rồi điều khiển xe moto tẩu thoát. Sau đó, C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu X2, màu xanh đen, số Imei: X3, gắn sim số: X4, gọi điện thoại đến số X5 gặp đối tượng tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch) để bán xe moto trộm cắp. Lúc này, đối tượng tên H nói C điều khiển xe đến khu vực tỉnh Bình Phước, giao xe cho H rồi nhận tiền thì C đồng ý điều khiển xe đến địa bàn huyện Đ, tỉnh Bình Phước, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước phát hiện, thu giữ của C: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu E, biển số X1; 01 thanh kim loại hình chữ "L" là phụ tùng kèm theo xe; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu X2, màu xanh đen, số Imei: X3, gắn sim số: X4 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu đen, số Imei: Y1. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã chuyển C cùng các tang vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 155/KLĐG ngày 10/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận:

- 01 xe moto nhãn hiệu Y, số loại E, màu sơn xanh đen, biển số X1, số máy: M1, số khung: K1, dung tích: 149.8, trị giá: 46.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 243/CT-VKS-TPBMT, ngày 14/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra và nội dung Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo C mức án từ 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng đến 03 *(ba)* năm tù. Tổng hợp với 01 năm 06 tháng tù của bản án số: 167/2019/HSPT, ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe moto nhãn hiệu Y, số loại E, màu sơn xanh đen, biển số X1, số máy: M1, số khung: K1, và 01 thanh kim loại hình chữ "L" cho anh T là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu đen, số Imei: Y1 cho chị B là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu X2, màu xanh đen, số Imei: X3, gắn sim số: X4, quá trình điều tra xác định, đây là tài sản của bị cáo C đã sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Chấp nhận anh T không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường 01 ổ khóa cửa cổng của nhà anh T do không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 kẹp cài tóc bằng kim loại, màu đen, dài khoảng 6cm, là công cụ bị cáo C sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C đã vứt bỏ trên đường tẩu thoát, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Đối với thiệt hại 1.450.000 đồng là số tiền mà anh T bỏ ra để thay ổ khóa điện của xe môtô E, biển số: X1 cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh T là phù hợp.

Bị cáo C không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo C tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án: Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 22 giờ ngày 26/5/2019 bị cáo C đã lén lút trộm cắp tài sản của anh T 01 xe môtô nhãn hiệu Y, số loại E, màu sơn xanh đen, biển số X1, số máy: M1, số khung: K1, dung tích: 149.8, trị giá: 46.500.000 đồng thì bị phát hiện đúng như nội dung vụ án nêu trên.

Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội. Nhân thân của bị cáo đã bị Tòa án xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cưỡng đoạt tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội

một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong đấu tranh chống tội phạm.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thiệt hại về tài sản xảy ra không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo có 01 tiền án tại bản án số: 167/2019/HSPT, ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù. Do vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe môtô nhãn hiệu Y, số loại E, màu sơn xanh đen, biển số X1, số máy: M1, số khung: K1, và 01 thanh kim loại hình chữ "L" cho anh T là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu đen, số Imei: Y1 cho chị B là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu X2, màu xanh đen, số Imei: X3, gắn sim số: X4 là tài sản của bị cáo C đã sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Chấp nhận anh T không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường 01 ổ khóa cửa cổng của nhà anh T do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Đối với thiệt hại 1.450.000 đồng là số tiền mà anh T bỏ ra để thay ổ khóa điện của xe môtô E, biển số: X1 cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh T là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo C phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo C 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù của bản án hình sự phúc thẩm số: 167/2019/HSPT, ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo C phải chấp hành là 04 *(bốn)* năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 28/5/2019. Bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 30/11/2018 đến ngày 29/01/2019 theo bản án hình sự phúc thẩm số 167/2019/HSPT, ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 xe môtô nhãn hiệu Y, số loại E, màu sơn xanh đen, biển số X1, số máy: M1, số khung: K1, và 01 thanh kim loại hình chữ "L" cho anh T là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu S, màu đen, số Imei: Y1 cho chị B là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu X2, màu xanh đen, số Imei: X3, gắn sim số: X4 là tài sản của bị cáo C đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Chấp nhận anh T không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường 01 ổ khóa cửa cổng của nhà anh T do không còn giá trị sử dụng.

(Hiện toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2019 lưu tại hồ sơ).

Về trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh T số tiền 1.450.000 đồng, là số tiền anh T bỏ ra để thay ổ khóa điện của xe môtô E, biển số: X1.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015".

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT ;
-P.NV&THA TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
-CCTHA DSTP,THA phạt tù(để thi hành) ;
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
-Bị cáo; người bị hại
-Chánh án; các đương sự
-Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương